TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đinh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phấn – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1973 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp PH, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp TA, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng M**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PH, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Vào năm 2011 bà L và ông M qua quen biết nên đã kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Mang Thít vào ngày 30/6/2011, theo giấy chứng nhận kết hôn số 75/2011, quyển số 01/2011. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/3/2011 hiện đang sống chung với bà L.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L và ông M đã ly thân kể từ đầu năm 2023 cho đến nay không có đoàn tụ trở lại.

Nay bà L cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng M.

- Về con chung: Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/3/2011, bà L yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/3/2011 trình bày: Cháu là con chung của ông Nguyễn Hoàng M và bà Lê Thị L, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Hoàng M biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của bà L. Nhưng ông M không có văn bản trả lời và vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời đều vắng mặt tại các phiên tòa mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án không tiến hành ghi lời khai của bị đơn và hòa giải cho các đương sự được.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn bà Lê Thị L được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng M.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/3/2011 cho nguyên đơn bà Lê Thị L nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng B mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Hoàng B đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bị đơn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa bà L và ông M chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hợp pháp. Bà L cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên bà L đã ly thân với ông M từ đầu năm 2023 cho đến nay, không có đoàn tụ trở lại. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông M đều vắng mặt không có lý do, ông M không đến phiên tòa, thể hiện ông M đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông M là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/3/2011; xét cháu B hiện do bà L nuôi dưỡng, cháu B vẫn phát triển tốt về mọi mặt, cháu B cũng có nguyện vọng được sống chung với bà L. Do đó, để đảm B quyền lợi về mọi mặt của cháu B sau khi ly hôn và tránh thay đổi môi trường sống của cháu B, Hội đồng xét xử giao cháu B cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng B mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Xét thấy, trách nhiệm nuôi dưỡng con cái là nghĩa vụ chung của cha mẹ, nên để đảm B được quyền lợi về mọi mặt cho cháu B, ông M phải có nghĩa cấp dưỡng nuôi cháu B mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), do đó yêu

cầu của bà L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát huyện Mang Thít là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bị đơn phải chịu tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn bà Lê Thị L được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/3/2011 cho nguyên đơn bà Lê Thị L nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 05/3/2011 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung Nguyễn Hoàng B đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền, nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số: 0001017 ngày 25/5/2023. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí. Buộc bị đơn ông Nguyễn Hoàng M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã An Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Bích